

TIN TỨC - SỰ KIỆN

- 01** Kế hoạch thực hiện Đề án Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- 02** Hướng dẫn cho vay để trả lương ngừng việc cho người lao động do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19
- 03** Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

- 04** Kết quả 5 năm triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- 05** Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030
- 06** Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển mô hình du lịch canh nông
- 07** Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO
- 08** Công nghệ mới - Sản phẩm mới

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI

- 09** Cam kết TBT trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên

DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

- 10** Hoạt động phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- 11** Kết quả thực hiện Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020
- 12** Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng với hoạt động chứng nhận VIETGAP trồng trọt
- 13** Doanh nghiệp được UBND tỉnh Lâm Đồng chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2020

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

SỐ 04.2020



TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 35 Trần Hưng Đạo, Phường 10,
thành phố Đà Lạt

Điện thoại: 0263 3833163

Fax: 0263 3833155

Email: trungtamthongtinld@gmail.com

Website: <http://skhcn.lamdong.gov.vn>

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG, ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG ĐO LƯỜNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

Mục tiêu

Mục tiêu chung

- Phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng dịch vụ kỹ thuật đo lường theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế và nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác cho hoạt động doanh nghiệp, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên như sản

xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, cung cấp dịch vụ y tế...; thực hiện hiệu quả chương trình bảo đảm đo lường tại doanh nghiệp; tăng cường gắn chặt hoạt động đo lường với hoạt động của doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực đóng góp vào phát triển hoạt động đo lường;

- Áp dụng hiệu quả bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường để tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về đo lường; chuẩn hóa năng lực, hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trên địa bàn tỉnh;

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến sâu rộng về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp.

Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2025-2030, triển khai Chương trình đảm bảo đo lường theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ cho 20-50 lượt doanh nghiệp, gồm doanh nghiệp vốn nhà nước và doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân; bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ đo lường cho 400-600 lượt người tham gia; tăng cường năng lực cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng - đơn vị được giao giữ chuẩn đo lường để đảm bảo tính chính xác của các phương tiện đo cho doanh nghiệp; chuẩn hóa năng lực hoạt động cho ít nhất 1 tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Phạm vi, đối tượng, thời gian thực hiện

Phạm vi: hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đối tượng

- Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh;

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng;

- Cơ quan quản lý nhà nước về đo lường; tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh;

Thời gian thực hiện

- Giai đoạn 1: từ năm 2021-2025;

- Giai đoạn 2: từ năm 2026-2030.

Nội dung

1. Áp dụng cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp

Hàng năm, rà soát thực hiện đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp với điều kiện của địa phương.

2. Thông tin tuyên truyền

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và xã hội về hoạt động đo lường;

- Tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân trong tỉnh về các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo hoạt động đo lường như in ấn áp phích, phóng sự giới thiệu, quảng bá nội dung Kế hoạch này;

- Tổ chức hội nghị, hội thảo về đo lường; các hoạt động kỷ niệm Ngày Đo lường Việt Nam; tuyên dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt hoạt động đo lường.

3. Tăng cường phát triển hạ tầng đo lường

Tăng cường năng lực đơn vị giữ chuẩn đo lường là Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng để

nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ đo lường và phục vụ cơ quan quản lý nhà nước trong thanh, kiểm tra.

4. Hỗ trợ đào tạo

Miễn phí bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đo lường về cách sử dụng và bảo quản phương tiện đo nhằm đảm bảo tính chính xác của phương tiện đo tại doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo tại doanh nghiệp

- Khảo sát năng lực hoạt động đo lường tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, sản xuất dược liệu, cung cấp dịch vụ y tế,...

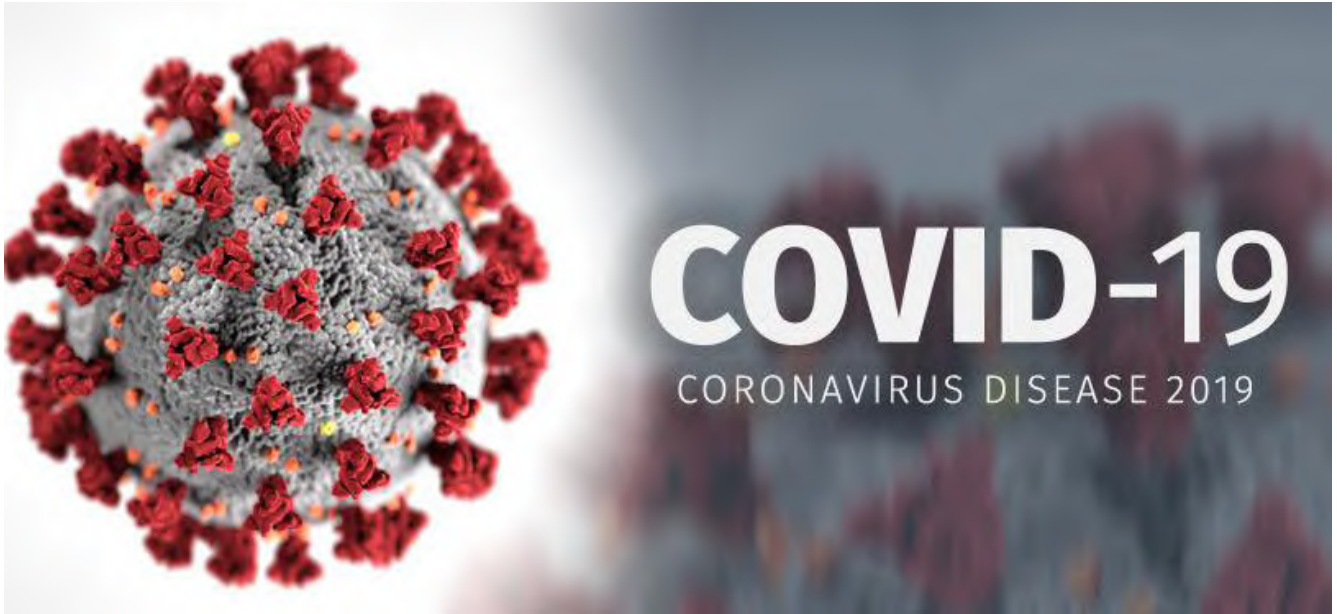
- Hỗ trợ kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo đối với doanh nghiệp trong tỉnh; giảm 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng đối với doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh;

- Hỗ trợ theo dõi, kiểm soát thiết bị đo lường trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chương trình đảm bảo đo lường theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; tham gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ đo lường tiên tiến trong sản xuất theo quy định của pháp luật.

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 là 6.540 triệu đồng. Trong đó, nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển của tỉnh là 6.000 triệu đồng; nguồn kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là 540 triệu đồng.

UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức liên quan triển khai Kế hoạch này, lấy doanh nghiệp làm trung tâm hỗ trợ hoạt động đo lường; hướng dẫn, thanh, kiểm tra, sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện.



HƯỚNG DẪN CHO VAY ĐỂ TRẢ LƯƠNG NGỪNG VIỆC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG DO ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020, Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19/10/2020 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020, Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg ngày 19/10/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH) đã ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho người sử dụng lao động vay để trả lương ngừng việc đối với người lao động.

Theo đó, những điều kiện vay được nới lỏng hơn so với quy định cũ để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận hơn.

Điều kiện vay vốn

- Có người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải ngừng việc từ 1 tháng liên tục trở lên trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

- Có doanh thu quý I/2020 hoặc quý liền kề trước thời điểm xét hưởng giảm 20% trở lên so với quý IV/2019 hoặc cùng kỳ năm 2019.

- Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm ngày 31/12/ 2019.

Mục đích vay vốn

Sử dụng để trả lương ngừng việc cho người lao động bị ngừng việc do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Mức cho vay, lãi suất, thời hạn cho vay

- Tối đa 01 tháng/khách hàng bằng 50% mức lương tối thiểu vùng (x) số người lao động bị ngừng việc và mỗi khách hàng được vay vốn không quá 03 tháng trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

- Lãi suất cho vay: 0%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm.

- Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận nhưng không quá 12 tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.

- Khách hàng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

- NHCSXH cho vay trực tiếp đến khách hàng.

Phê duyệt cho vay và giải ngân

- Chậm nhất ngày 5 hàng tháng, khách hàng gửi hồ sơ vay vốn đến NHCSXH nơi cho vay. Trong 5 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn, NHCSXH phê duyệt và thông báo kết quả phê duyệt cho khách hàng. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt cho vay, NHCSXH thông báo cho khách hàng nêu rõ lý do từ chối.

- Giải ngân cho khách hàng:

+ Căn cứ Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho khách hàng bằng

hình thức chuyển khoản vào tài khoản của khách hàng.

+ Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn để trả lương ngừng việc cho các tháng trong khoảng thời gian từ tháng 4-10/2020 trong cùng một lần, NHCSXH nơi cho vay căn cứ hồ sơ vay vốn của khách hàng để phê duyệt, ký Hợp đồng tín dụng và thực hiện giải ngân 1 lần.

- Việc giải ngân của NHCSXH được thực hiện đến hết ngày 31/01/2021.

Hồ sơ vay vốn

Khách hàng tự kê khai, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực về số lao động ngừng việc, số liệu xác định doanh thu đáp ứng điều kiện vay theo quy định tại Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg.

Hồ sơ vay vốn lần đầu gồm:

- Đề nghị vay trả lương ngừng việc cho người lao động (Mẫu số 11a ban hành kèm theo Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg).

- Danh sách người lao động bị ngừng việc do ảnh hưởng của dịch Covid-19 (Mẫu số 11b ban hành kèm theo Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg).

- Bản sao các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập/Quyết định cho phép thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

+ Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc

pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

+ Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

+ Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của

Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Bản sao văn bản thỏa thuận của khách hàng với người lao động về việc ngừng việc do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

- Giấy ủy quyền (nếu có).

Khi nộp hồ sơ, khách hàng cần xuất trình bản gốc các loại giấy tờ theo quy định để ngân hàng kiểm tra, đối chiếu.





CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025

Chuyển đổi số đang diễn ra nhanh chóng trên toàn cầu. Bằng cách số hóa các quy trình kinh doanh, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và quy trình quản trị, doanh nghiệp sẽ nâng cao hiệu quả, gia tăng giá trị mà họ mang lại cho khách hàng và có vị thế, năng lực cạnh tranh tốt hơn để đáp ứng nhu cầu thị trường và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025,

định hướng đến năm 2030”, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) thông qua Dự án Thúc đẩy cải cách và nâng cao năng lực kết nối của doanh nghiệp nhỏ và vừa (LinkSME) triển khai Chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025.

Theo đó, trong những năm tới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục hợp tác với Dự án USAID LinkSME để thực hiện mục tiêu của Chương trình đến năm 2025 đó là, 100% doanh nghiệp được nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; tối thiểu

100.000 doanh nghiệp được hỗ trợ kỹ thuật về chuyển đổi số; ít nhất 100 doanh nghiệp được hỗ trợ là mô hình chuyển đổi số điển hình thành công để lan tỏa và nhân rộng; thiết lập mạng lưới chuyên gia gồm tối thiểu 100 tổ chức, cá nhân tư vấn, cung cấp giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển các nền tảng số.

Cụ thể, thông qua Chương trình, các doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ kỹ thuật tập trung vào 4 nội dung chính gồm:

- Nâng cao nhận thức, tầm nhìn và chiến lược của doanh nghiệp về chuyển đổi số;

- Số hóa hoạt động kinh doanh như marketing, bán hàng...;

- Số hóa quy trình quản trị, sản xuất, công nghệ, các nghiệp vụ quản lý tài chính, kế toán, nhân sự, báo cáo, giám sát, đánh giá...;

- Chuyển đổi số toàn diện để tạo ra sản phẩm, dịch vụ, mô hình mới cho doanh nghiệp.

Trong giai đoạn đầu, Chương trình sẽ tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực như: cơ khí, điện tử, chế biến chế tạo, nông nghiệp, chế biến thực phẩm...





KẾT QUẢ 5 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với các loại hình kinh tế đã được Đảng ta nêu ra từ Đại hội VI (1986); sau này là Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX, Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, năm 2014, Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) nhằm tạo sự thay đổi tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh. Cùng với đó, Luật Đất đai, Luật Thương mại, Luật Pháp

sản, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, có tác động tích cực đến cộng đồng doanh nghiệp.

Đồng thời, Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia như Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết số 75/NQ-CP về cắt giảm mức phí, chi phí cho doanh nghiệp...

Để tiếp tục nâng cao hiệu lực pháp lý, đẩy mạnh thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quốc hội đã

thông qua Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Luật số 04/2017/QH14) với hàng loạt chính sách hỗ trợ cơ bản.

Với sự định hướng và tạo điều kiện thuận lợi của Nhà nước cùng với các chính sách khuyến khích, phát triển của địa phương, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã có bước phát triển đáng kể. Đến ngày 24/9/2020, có 9.885 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn pháp nhân; tổng số vốn sản xuất - kinh doanh đạt 107.805 tỷ đồng.

Trong giai đoạn 2016-2020, thực hiện hỗ trợ các hoạt động trên lĩnh vực khoa học và công nghệ như: Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ; dự án Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; truy xuất nguồn gốc theo Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; các dự án cho vay của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Kết quả thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trên địa bàn tỉnh

Công tác lãnh đạo, điều hành

Để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Chương trình hành động số 3671/CTr-UBND ngày 29/6/2016 về việc thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP.

Bên cạnh đó, thực hiện các Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hàng năm, UBND tỉnh đều ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện; định kỳ 6 tháng, 1 năm, thực hiện sơ, tổng kết đánh giá kết quả đạt được, xác định tồn tại, hạn chế để từ đó đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

Cụ thể, Kế hoạch số 2950/KH-UBND ngày 31/5/2016 về việc triển khai Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Lâm Đồng năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020; Kế hoạch hành động số 1463/KH-UBND ngày 15/3/2017 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017 và định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch số 3629/KH-UBND ngày 14/6/2018 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch số 2266/KH-UBND ngày 19/4/2019 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những

nhệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch số 2054/KH-UBND ngày 09/4/2020 về thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp

Môi trường đầu tư của tỉnh từng bước được cải thiện; số lượng doanh nghiệp thành lập mới hàng năm bình quân trên 10%, dự kiến đến cuối năm 2020 đạt 10.000 doanh nghiệp. Kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được cải thiện tích cực; trong 5 năm qua, Lâm Đồng luôn thuộc nhóm các địa phương có chất lượng điều hành khá và đứng đầu 5 tỉnh Tây nguyên. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp được rút ngắn 20% so với quy định.

Hiện nay, toàn tỉnh có 1.975 thủ tục hành chính (1.498 thủ tục cấp tỉnh, 327 thủ tục cấp huyện, 150 thủ tục cấp xã); 276 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 (225 thủ tục cấp tỉnh, 46 thủ tục cấp huyện, 5 thủ tục cấp xã); 190 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 (171 thủ tục cấp tỉnh, 18 thủ tục cấp huyện, 1 thủ tục cấp xã).

Các quyết định công bố thủ tục hành chính của UBND tỉnh đều được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp huyện, xã. Đồng thời, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cũng thực hiện công khai thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của từng đơn vị.

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; Kế hoạch số 6903/KH-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh năm 2020, đến nay, đã đạt được một số kết quả sau:

- 100% cơ quan đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện, xã có mạng LAN. 100% các đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện có trang thông tin điện tử. Hệ thống mạng nội bộ LAN được duy trì ổn định, kết nối mạng internet, đảm bảo cho việc quản lý, điều hành qua môi trường mạng.

- Hệ thống mạng CAMPUS của Trung tâm Hành chính có trên 1.700 người dùng, 54 máy chủ tập trung, 2 đường truyền chuyên dụng, 37 đường kết nối Internet FTTH của 54 đơn vị hoạt động trong khu hành chính tập trung.

- 100% cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã/phường được triển khai hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc. Đến nay, hệ thống trực liên thông đang phục vụ kết nối cho 840 cơ quan, đơn vị hành chính thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp.

Toàn tỉnh có 12/12 huyện, thành phố và 142/142 xã, phường, thị trấn hoàn thành việc kiện toàn bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến cho 20/20 cơ quan cấp tỉnh, 12/12 UBND cấp huyện, 142/142 UBND cấp xã theo hướng thuê dịch vụ công nghệ thông tin; đã kết nối, liên thông với Cổng Dịch vụ công quốc gia, cấp bộ, tỉnh để đăng tải công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến, qua đó, giúp giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, góp phần tăng cường tính minh bạch của cơ quan nhà nước.

Thực hiện công khai, minh bạch tất cả thông tin, hướng dẫn thực hiện chính sách, quy định, quy trình; tên, chức danh, số điện thoại người chịu trách nhiệm giải quyết các thủ tục hành chính.

Tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

Với mục tiêu tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ngày 18/4/2017, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 740/QĐ-UBND phê duyệt Đề án hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Kế hoạch số 6324/KH-UBND về hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; Quyết định

số 635/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025. Giai đoạn 2018-2019, Lâm Đồng có 515 ý tưởng, dự án tham gia các cuộc thi khởi nghiệp; trong đó, 39 ý tưởng được trao giải; một số ý tưởng khởi nghiệp đã kết nối được 418 doanh nghiệp, nhà đầu tư quan tâm; có 66 thỏa thuận được doanh nghiệp ký kết với các nhà khởi nghiệp (7 thỏa thuận đề nghị mua lại 3 dự án; 39 thỏa thuận đề nghị góp vốn đầu tư; 20 thỏa thuận đề nghị bao tiêu sản phẩm, hỗ trợ kết nối thương mại).

Bên cạnh đó, để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3821/KH-UBND ngày 24/6/2019 về tuyên truyền, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển nhượng hoạt động theo mô hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020. Đến nay, đã hỗ trợ 16 doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ cá thể sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp.

Hội đồng nhân dân tỉnh cũng đã ban hành Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 quy định về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn...

Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp

Thường trực Ban Chỉ đạo về hội nhập quốc tế, trong những năm qua, đã chủ động tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời các kiến thức chung về hội nhập và các hiệp định thương mại tự do; vấn đề xây dựng thương hiệu và

hội nhập, xu hướng phát triển thương mại điện tử và hội nhập; thông tin về thị trường Cộng đồng kinh tế chung ASEAN (AEC); quy định có liên quan về các Hiệp định FTA mà Việt Nam là thành viên; những ưu đãi về thuế quan, xuất xứ...

Để giúp các thành phần kinh tế thuận lợi hơn trong việc huy động vốn sản xuất cũng như tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 về việc thành lập Quỹ Khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng (vốn điều lệ 4,9 tỷ đồng); Quyết định số 2153/QĐ/UBND ngày 06/10/2015 về việc thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lâm Đồng (vốn điều lệ 30 tỷ đồng); Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 28/4/2009 về thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng (vốn điều lệ 12,8 tỷ đồng).

Nhằm tháo gỡ vướng mắc cho các doanh nghiệp về quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất trong quan hệ tín dụng ngân hàng, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện các thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm đồng bộ từ tỉnh đến địa phương, phối hợp chia sẻ thông tin đăng ký giao dịch bảo đảm giữa các cơ quan có liên quan.

Tiếp tục thực hiện chủ trương hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng thông qua Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Lâm Đồng đã chỉ đạo, giám sát các ngân hàng thương mại thực hiện

cam kết đã ký với doanh nghiệp. Ngoài ra, UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Lâm Đồng tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả chính sách tiền tệ, lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình, gói tín dụng với lãi suất ưu đãi, đơn giản hóa thủ tục vay vốn để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng, nhất là chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ.

Giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp

Đã giảm khoảng 25% các loại thủ tục hành chính so với 5 năm trước đây; 20% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với thời gian quy định đối với các thủ tục hành chính về đăng ký và thành lập doanh nghiệp; đăng ký và thành lập liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; kê khai nộp thuế; thẩm định và cấp phép xây dựng; đăng ký quyền sở hữu tài sản; thủ tục xuất - nhập khẩu...

UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Kế hoạch số 7493/KH-UBND ngày 03/01/2017 về việc nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020. Theo đó, hàng năm, xây dựng kế hoạch và nội dung khảo sát, gửi phiếu khảo sát thu nhận kiến nghị của doanh nghiệp nhằm từng bước kéo giảm và chấm dứt tình trạng doanh nghiệp phải chi phí không chính thức trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp

Để chấn chỉnh việc thanh, kiểm tra nhiều lần đối với doanh nghiệp trong năm, bắt đầu từ năm 2017, hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành quyết định phê duyệt danh sách các doanh nghiệp được kiểm tra trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tiến hành các cuộc thanh, kiểm tra doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể, thống nhất phạm vi, thời điểm, thời gian triển khai đối với từng doanh nghiệp và chủ động tổ chức triển khai thanh, kiểm tra theo kế hoạch được duyệt. Đến nay, tình trạng chồng chéo trong hoạt động thanh, kiểm tra đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được khắc phục; chưa có phản ánh, thắc mắc về việc trùng lặp, chồng chéo trong hoạt động thanh, kiểm tra đối với các doanh nghiệp trên địa bàn.

Ngành Công Thương triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý thị trường, nắm rõ diễn biến, giá cả, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa; thường xuyên phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, từ đó, đã kịp thời ngăn chặn và xử lý đối với các hành vi vi phạm, đảm bảo quyền lợi của người dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục rà soát và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp

Thông qua các báo cáo định kỳ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã nêu những kết quả đạt được cũng

như tồn tại, khó khăn trong công tác hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, từ đó có kiến nghị với các bộ, ngành đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Đồng thời, hàng năm, các sở, ban, ngành theo từng lĩnh vực được phân công rà soát để kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế tại địa phương.

Không ngừng củng cố, kiện toàn việc xây dựng Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng trở thành tổ chức xã hội - nghề nghiệp vững mạnh, tạo sự thống nhất trong Hiệp hội Doanh nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp.

Đẩy mạnh xây dựng đội ngũ doanh nhân

Căn cứ Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 05/3/2012 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/12/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 2709/KH-UBND ngày 29/5/2012 của UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, trong những năm qua, ngoài việc tập trung chỉ đạo công tác hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, UBND tỉnh còn chỉ đạo các cơ quan chức năng, Hiệp hội Doanh nghiệp đề xuất việc thay đổi hình thức, nội dung, phương thức tổ chức vinh danh những doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu của tỉnh vào dịp kỷ niệm Ngày Doanh nhân Việt Nam (13/10).

Một số tồn tại, hạn chế

- Hoạt động thanh, kiểm tra doanh nghiệp vẫn còn tình trạng chồng chéo vì số lượng doanh nghiệp do các ngành,

địa phương đề nghị thanh, kiểm tra hàng năm nhiều. Một số cơ quan Trung ương, kiểm toán nhà nước không thông báo cụ thể doanh nghiệp dự kiến thanh, kiểm tra, từ đó đã làm ảnh hưởng đến kế hoạch của tỉnh.

- 98% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp nhỏ và vừa, siêu nhỏ, quy mô sản xuất - kinh doanh nhỏ, nguồn lực tài chính hạn chế, do đó, việc tham gia các chương trình xúc tiến thương mại ở nước ngoài rất khó khăn.

- Các thủ tục hành chính tuy đã được cắt giảm đáng kể nhưng vẫn còn một số thủ tục phức tạp, chưa đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các cơ quan có liên quan đến quy trình xử lý thủ tục hành chính, nhất là trong các lĩnh vực về đất đai, đầu tư, xây dựng, đền bù, giải tỏa...

- Tình trạng hồ sơ của các doanh nghiệp bị chậm trễ vẫn còn tồn tại, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần, nhất là trong lĩnh vực đầu tư, đất đai...

- Về cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa:

+ Đến nay, vẫn chưa thực hiện hỗ trợ về công nghệ, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, khu làm việc chung cho các cơ sở ươm tạo do Bộ Khoa và Công nghệ chưa ban hành văn bản hướng dẫn.

+ Các hoạt động khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp chung của tỉnh vẫn đang ở tình trạng tự phát, thiếu sự liên kết.

+ Chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp còn thấp; trình tự, thủ tục phức tạp. Vì vậy, chưa thật sự thu hút sự quan tâm, tham gia của doanh nghiệp.

+ Quy định đối với nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị chưa có hướng dẫn cụ thể từ Trung ương, do đó, các địa phương còn gặp khó khăn trong công tác xây dựng cơ chế, chính sách.

Các giải pháp, nhiệm vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Chính phủ; xây dựng và triển khai hiệu quả các đề án, chương trình, kế hoạch hành động nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cải thiện môi trường kinh doanh. Rà soát, tối ưu hóa quy trình thủ tục hành chính liên ngành, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp; dự án đầu tư có sử dụng đất, liên quan đến xây dựng, môi trường.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm hành chính công các cấp; triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; tăng số lượng các thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin để tiếp tục phát huy, thực hiện có hiệu quả hệ thống thông tin, đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến để hướng dẫn, giải đáp, giải quyết kiến nghị, khó khăn cho doanh nghiệp, người dân.

Các cơ quan hành chính cần tiếp tục công khai, minh bạch thông tin, đặc biệt là đăng tải đầy đủ các quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương; các dự án đầu tư công, đấu thầu; các dự án kêu gọi đầu tư, đầu tư theo hình thức đối tác công - tư; các quy trình, thủ tục, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cấp, ngành.

Tăng cường tổ chức đối thoại với doanh nghiệp ở các cấp, ngành, địa phương để lắng nghe, tiếp thu ý kiến, giải quyết kịp thời khó khăn cho doanh nghiệp.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành đối với các cơ quan hành chính nhà nước; nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ, kỹ năng, tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp có hành vi quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu doanh nghiệp.

Thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh, kiểm tra doanh nghiệp. Công khai sớm danh sách các đối tượng được thanh, kiểm tra theo kế hoạch; kết quả thanh, kiểm tra sau khi có kết luận trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

Xây dựng, triển khai hiệu quả, thực chất các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, tập trung vào đối tượng doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa; chủ động nghiên cứu, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp về thị trường, vốn, lao động... Tiếp tục tuyên truyền, hỗ trợ các hộ kinh doanh có nguyện vọng chuyển đổi lên mô hình doanh nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu về tiềm

năng, thế mạnh của Lâm Đồng; đẩy mạnh tìm kiếm thị trường xuất khẩu những mặt hàng có giá trị cao mà tỉnh có lợi thế; tăng cường công tác quản lý thị trường, chống sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận đầy đủ các thông tin về định hướng, kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp, ưu đãi đầu tư; chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, nguồn vốn vay... Tăng cường cung cấp, phổ biến thông tin và các hướng dẫn doanh nghiệp thực thi cam kết trong khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế và các hiệp định kinh tế - thương mại để nâng cao năng lực hội nhập, tiếp cận, mở rộng thị trường, hợp tác đầu tư, kinh doanh.

Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh phối hợp với các hiệp hội, cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả Đề án đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, huyện. Khắc phục hoàn thiện Đề án thành lập khu làm việc chung cho các nhà khởi nghiệp theo hình thức đối tác công - tư theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 phê duyệt Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của tỉnh.



CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA GIAI ĐOẠN 2021-2030

Ngày 31/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1322/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp (DN) nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 nhằm hỗ trợ DN nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa (năng suất chất lượng) trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Cụ thể, giai đoạn 2021-2025, tỷ lệ hài hòa của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia với

tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đạt khoảng 65%; đào tạo, chứng nhận đạt tiêu chuẩn cho khoảng 600 chuyên gia năng suất chất lượng tại các bộ, cơ quan, địa phương, DN.

Giai đoạn 2026-2030, tỷ lệ hài hòa của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đạt khoảng 70-75%; đào tạo, chứng nhận đạt tiêu chuẩn cho khoảng 1.000 chuyên gia năng suất chất lượng, trong đó có khoảng 200 chuyên gia được chứng nhận đạt trình độ khu vực và quốc tế.

Giai đoạn 2021-2030, số DN được hỗ trợ các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng hàng năm tăng từ 10-15%, trong đó, số giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 và số giấy

chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 cấp cho DN tăng ít nhất 10% so với giai đoạn 2011-2020; có ít nhất 100 DN được hướng dẫn áp dụng đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng, trở thành mô hình điểm để chia sẻ, nhân rộng trên toàn quốc.

Để đạt được các mục tiêu trên, Chương trình đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng. Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy, nâng cao năng suất quốc gia, ngành, địa phương và DN trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế.

Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng. Đẩy mạnh phổ biến, hướng dẫn áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, nhất là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh vào DN. Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng. Khuyến khích, hỗ trợ DN tham gia các hoạt động của Giải thưởng chất lượng quốc gia.

Bên cạnh đó, hỗ trợ DN áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố. Hỗ trợ DN áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P). thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh...

Hỗ trợ DN chứng nhận sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế.

Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phục vụ trực tiếp cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng, thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất, dịch vụ thông minh.

Tăng cường hợp tác quốc tế, tích hợp có hiệu quả các chương trình, dự án về năng suất, chất lượng.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, điều hành hoạt động của Chương trình; hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan nghiên cứu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng; phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đánh giá sự phù hợp; xây dựng các mô hình điểm về năng suất chất lượng; xây dựng, ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chuyên gia năng suất chất lượng; tổ chức các hoạt động đào tạo về năng suất chất lượng; hỗ trợ đào tạo chuyên gia năng suất chất lượng cho các địa phương; thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực năng suất chất lượng; triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo nhiệm vụ, chức năng quản lý nhà nước được giao.



Cảm biến đo độ ẩm và EC trong đất



Cảm biến đo lượng nước và EC thoát ra trong canh tác nhỏ giọt giá thể



Bộ điều khiển tưới và pha phân bón tự động theo pH/EC qua internet

Một số hình ảnh thiết bị IoT đầu tư trong dự án

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH DU LỊCH CANH NÔNG

TRẦN THỊ DIỄM QUỲNH

Quý Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng

Đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển lâu dài, bền vững đối với bất cứ một nền kinh tế nào. Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 - cuộc cách mạng sản xuất mới gắn liền với những đột phá về công nghệ, tích hợp và kết nối internet đang diễn ra mạnh mẽ. Đây vừa là thách thức và cũng là cơ hội lớn đối với các doanh nghiệp tiếp cận, ứng dụng và đổi mới công nghệ. Để bắt kịp cuộc cách mạng này, ngoài sự nỗ lực từ mỗi doanh nghiệp, cần có các chính sách ưu đãi về đầu tư cho khoa học và công nghệ

(KHCVN). Trong điều kiện ngân sách còn hạn hẹp, việc huy động các nguồn vốn đầu tư cho KHCVN là giải pháp vô cùng cần thiết để phát triển KHCVN nước nhà, trong đó Quý Phát triển khoa học và công nghệ (Quý KHCVN) địa phương được xem là một trong những phương thức phù hợp để đầu tư.

Để góp phần nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất, trong năm 2020, Quý KHCVN tỉnh Lâm Đồng đã hỗ trợ Công ty TNHH Nông trại Du lịch

Canh nông Kiến Huy (Công ty) triển khai đầu tư dự án nâng cấp hệ thống thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Công ty đóng trên địa bàn huyện Lạc Dương - huyện có nhiều điều kiện thiên nhiên thuận lợi về đất đai và khí hậu; đồng thời, với lợi thế là đơn vị được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh công nhận mô hình Du lịch canh nông năm 2018, được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2020 (theo Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 14/01/2020), Công ty đã mạnh dạn đầu tư dự án Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp với du lịch canh nông tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Tổng mức đầu tư được phê duyệt là gần 12 tỷ đồng, trong đó phần vốn vay ưu đãi từ Quỹ KHCN là 3 tỷ đồng.

Theo đó, Công ty đã đầu tư hệ thống điều khiển thông minh, thiết bị hỗ trợ tự động hóa, phần mềm quản lý qua internet... để phục vụ các tour trải nghiệm sản xuất nông nghiệp thực tế cho du khách, góp phần xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gắn với du lịch canh nông. Dự án này đã và đang tạo việc làm cho khoảng 40 công nhân lao động tại địa phương, giúp nâng cao thu nhập, ổn định kinh tế.

Việc áp dụng hệ thống IoT vào sản xuất giúp tiết kiệm nguồn nước; giảm lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Thông qua việc liên kết với các đơn vị du lịch để tổ chức các tour trải nghiệm không những góp phần nâng cao thu nhập cho Công ty, hộ dân liên kết mà còn phục vụ du khách, góp phần phát triển du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn của Đà Lạt, Lâm Đồng - ngày càng mạnh mẽ hơn.



Bộ cảm biến vi khí hậu giám sát nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng trong nhà kính



Bộ điều khiển tưới (bơm và van) qua internet



Trạm thời tiết giám sát nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, mưa và gió

TIN CẢNH BÁO

TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



KENYA

Sản phẩm điều chỉnh: ca cao bền vững.

Thông báo số: G/TBT/N/KEN/1023, ngày 09 tháng 10 năm 2020.

Mô tả nội dung: dự thảo này quy định các yêu cầu của Chương trình chứng nhận đối với sản phẩm ca cao bền vững, yếu tố liên quan đến tác nhân trong chuỗi cung ứng ca cao; hoạt động chứng nhận cho người nông dân với tư cách là tổ chức/nhóm nông dân/hợp tác xã. Tiêu chuẩn này sẽ được sử dụng chung với ARS 1000-1 và ARS 1000-2.

Cơ quan Chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu trong tiêu chuẩn này mới được đánh giá người nông dân sản xuất hạt ca cao bền vững; những nông dân với tư cách là tổ chức/nhóm nông dân/hợp tác xã đáp ứng các yêu cầu trong tiêu chuẩn này mới có thể đưa ra yêu cầu về hạt ca cao được sản xuất bền vững.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: yêu cầu về chất lượng.

Ngày đề xuất thông qua: tháng 3 năm 2021.

Ngày đề xuất có hiệu lực: khi thư ký nội các liên quan tuyên bố bắt buộc.

Ngày lấy ý kiến cuối cùng: ngày 05 tháng 12 năm 2020.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn Kenya.

Địa chỉ: P.O. Hộp thư số 54974-00200, Nairobi, Kenya.

Điện thoại: + (254) 020 605490, 605506/6948258.

Fax: + (254) 020 609660/609665.

Email: info@kebs.org.

Website: <http://www.kebs.org>.

TIN CẢNH BÁO

TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



UGANDA

Sản phẩm điều chỉnh: tương ớt trái cây và rau.

Thông báo số: G/TBT/N/UGA/1237, ngày 22 tháng 10 năm 2020.

Mô tả nội dung: dự thảo này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với tương ớt trái cây hoặc rau, quả được cung cấp để tiêu thụ trực tiếp, gồm cả các sản phẩm cho mục đích ăn uống. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho sản phẩm được chỉ định sử dụng để xử lý thêm hoặc chế biến tiếp.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: thông tin người tiêu dùng, ghi nhãn; ngăn chặn các hành vi lừa đảo; bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe và an toàn của con người; yêu cầu về chất lượng.

Ngày đề xuất thông qua: tháng 01 năm 2021.

Ngày đề xuất có hiệu lực: khi được Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Hợp tác xã tuyên bố là bắt buộc.

Ngày lấy ý kiến cuối cùng: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn Quốc gia Uganda.

Địa chỉ: lô 2-12 ByPass Link, Khu Công nghiệp và Kinh doanh Bweyogerere. P.O. Hộp thư số 6329, Kampala, Uganda.

Điện thoại: + (256) 4 1733 3250/1/2.

Số fax: + (256) 4 1428 6123.

Email: info@unbs.go.ug.

Website: <https://www.unbs.go.ug>.



CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI



MODULE TỔNG HỢP ^{18}F -NAF VÀ DƯỢC CHẤT PHÓNG XẠ ^{18}F -NAF

Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ cấp bộ “Nghiên cứu chế tạo module tổng hợp ^{18}F -NaF và điều chế dược chất phóng xạ ^{18}F -NaF tại Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội”, ThS. Trần Mạnh Thắng và các cộng sự thuộc Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội (Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam) đã thiết kế, chế tạo thành công module tổng hợp dược chất phóng xạ ^{18}F -NaF; xác định thời gian tổng hợp dược chất khoảng 12,5 phút

và hiệu suất tổng hợp đạt khoảng 95%; chất lượng dược chất phóng xạ ^{18}F -NaF đạt tiêu chuẩn theo Dược điển Mỹ (USP 38); dược chất phóng xạ ^{18}F -NaF ghi hình trên thiết bị PET/CT trong kiểm tra tiền lâm sàng cho hình ảnh rõ nét trên toàn bộ hệ xương, trong thận và bàng quang theo đặc điểm sinh lý. Dược chất do Trung tâm sản xuất đã được tiêm thử nghiệm trên thỏ cho kết quả khả quan.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: ThS. Trần Mạnh Thắng - Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội. Km 12, đường Cầu Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội; Điện thoại: 0917321898; Email: tmthangbk@yahoo.com.

CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI



GIỐNG THANH LONG RUỘT TRẮNG LĐ-18

Giống thanh long ruột trắng LĐ-18 do TS. Trần Thị Oanh Yến và cộng sự thuộc Viện Cây ăn quả miền Nam nghiên cứu chọn tạo, đã được Cục Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) công nhận là tiến bộ kỹ thuật từ tháng 12/2019.

Giống thanh long ruột trắng LĐ-18 có nguồn gốc lai hữu tính giữa thanh long ruột đỏ LĐ1 và thanh long VX. Cây sinh trưởng khỏe; có khả năng ra hoa sớm (tháng 2) và kết thúc ra hoa muộn (tháng 9); dễ ra hoa nghịch vụ khi xử lý bằng ánh sáng đèn; chống chịu tốt với bệnh

đốm nâu trong điều kiện trồng ngoài đồng ruộng.

Quả thanh long ruột trắng LĐ-18 có dạng thuôn dài, khối lượng > 500 g/quả, vỏ quả dày và có màu đỏ, tai quả màu xanh và cứng, bề mặt vỏ quả bóng, độ Brix thịt quả cao (trên 17%), độ chắc thịt quả $\geq 1 \text{ kg/cm}^3$, tỷ lệ thịt quả > 65%, thịt quả màu trắng, có vị ngọt chua nhẹ. Kết quả thử nghiệm cho thấy, giống thanh long này có năng suất khoảng 40 tấn/ha (đối với cây 4 năm tuổi) trong điều kiện trồng theo kiểu trụ (1.000 trụ/ha) và thích hợp cho sản xuất tại các tỉnh phía Nam.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: TS. Trần Thị Oanh Yến - Phó Viện trưởng Viện Cây ăn quả miền Nam. Long Định, Châu Thành, Tiền Giang; Điện thoại: 0908624835.



CAM KẾT TBT TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

THỰC UYÊN

Hội nhập kinh tế quốc tế là chủ trương nhất quán của Đảng, Nhà nước ta và được cụ thể hóa qua những bước đi hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng chất lượng. Mở đầu cho tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng là khi Việt Nam gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (WTO); đến nay, Việt Nam đã đàm phán và gia nhập hơn 13 Hiệp định thương mại tự do với tư cách là thành viên của ASEAN và với tư cách là một bên độc lập.

Trong đó, có những Hiệp định được đánh giá là Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới do mức độ cam kết rộng và

sâu với nhiều lĩnh vực phi truyền thống như lao động, môi trường, doanh nghiệp nhà nước... Hai trong số Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nổi bật nhất mà Việt Nam tham gia hiện nay là *Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)* và *Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA)*. Trong 2 Hiệp định này, thuế quan được cam kết xóa bỏ ở mức cao. Ví dụ, trong CPTPP, 65,8% số dòng thuế có thuế suất về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Trong EVFTA, 48,5% dòng thuế của Việt Nam sẽ về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực và sau từ

3-11 năm, tất cả các dòng thuế sẽ dần về 0%.

Hàng rào thuế quan dần được dỡ bỏ có thể dẫn đến kịch bản hàng rào kỹ thuật sẽ được các nước áp dụng nhiều hơn để bảo vệ hàng hóa trong nước, hơn nữa, các hàng rào này sẽ được dựng lên một cách tinh vi, phức tạp hơn. Lịch sử cho thấy, sau khi hình thành Thỏa thuận thương mại và thuế quan GATT, từ năm 1947-1995, thuế quan đã giảm từ 40% xuống 4%; nhưng trong thời gian đó, thế giới chứng kiến các hàng rào phi thuế quan tăng cao hơn rất nhiều so với thời điểm trước GATT 1947. Các hàng rào này không thể cân đong đo đếm và tính toán định lượng để xác định thiệt hại về mặt kinh tế mà các nước gặp phải. Đó là lý do hàng rào phi thuế quan trở thành chủ đề được các nước quan tâm và bắt đầu được đưa vào đàm phán tại Vòng đàm phán Tokyo từ năm 1973, khởi đầu cho các Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT), Hiệp định về biện pháp vệ sinh và an toàn thực phẩm (Hiệp định SPS) của WTO sau này.

Để đảm bảo khi rào cản thuế quan được dỡ bỏ dần, hàng rào phi thuế quan không được tạo ra một cách vô lý nhằm cản trở thương mại, gây mất bình đẳng và phân biệt đối xử, các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) cùng với các cam kết khác đã được các nước đưa vào khung đàm phán với mục đích dỡ bỏ những rào cản kỹ thuật cản trở thương mại quá mức cần thiết. Hiệp định TBT là một trong các Hiệp định quan trọng của WTO và Chương TBT cũng trở thành một

phần không thể thiếu của các Hiệp định thương mại tự do giữa các quốc gia.

Xét về cấu trúc, mặc dù đều căn cứ trên cam kết nền về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp của Hiệp định WTO/TBT, nhưng CPTPP và EVFTA có 2 Chương TBT không hoàn toàn tương đồng. Chương TBT của Hiệp định CPTPP có 13 Điều và 7 Phụ lục; đây là Hiệp định thương mại tự do khu vực đầu tiên mà Việt Nam cam kết có thêm các phụ lục về sản phẩm, hàng hóa cụ thể. Trong khi đó, EVFTA gồm 11 Điều khoản và không có phụ lục.

Hai Chương TBT của CPTPP và EVFTA có 7 điều khoản tương tự gồm Mục tiêu, Phạm vi áp dụng, Định nghĩa, Tiêu chuẩn, Quy trình đánh giá sự phù hợp, Minh bạch hóa, Hợp tác và thuận lợi hóa thương mại. Bên cạnh đó, có 12 Điều khoản khác nhau; cụ thể, trong CPTPP, có các điều khoản về Tích hợp với Hiệp định TBT, Giai đoạn phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, Trao đổi thông tin và thảo luận kỹ thuật, Ủy ban TBT, Điểm hỏi đáp và các phụ lục (rượu vang và rượu chưng cất, sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông, dược phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế, công thức độc quyền cho phụ gia thực phẩm và thực phẩm bao gói sẵn, sản phẩm hữu cơ). EVFTA lại có các điều khoản cam kết về Khẳng định Hiệp định TBT của WTO, Quy chuẩn kỹ thuật, Hậu kiểm, Ghi dấu và ghi nhãn, Tham vấn, Thực thi.

Xét về nội dung, CPTPP/TBT và EVFTA/TBT đều phải căn cứ trên các nguyên tắc cốt lõi của WTO/TBT như không phân biệt

đối xử, tạo thuận lợi thương mại, không tạo ra các rào cản không cần thiết cho thương mại quốc tế... Tuy nhiên, nếu WTO/TBT là những cam kết khung, CPTPP/TBT và EVFTA/TBT cam kết cụ thể, chi tiết hơn, có thể hiểu các nội dung, nguyên tắc của Hiệp định TBT đã được tích hợp trong các cam kết TBT của CPTPP và EVFTA. Mức độ cụ thể hay chi tiết trong cam kết phản ánh mong muốn của các nước tham gia 2 Hiệp định này. Ví dụ, trong CPTPP/TBT, Điều 2 về xây dựng, thông qua và áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật do các cơ quan Chính phủ, Trung ương ban hành được tích hợp với các Điều 2.1, 2.2, 2.4, 2.5, 2.9, 2.10, 2.11, 2.12 của Hiệp định WTO/TBT; Điều 5. Tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế được tích hợp với đoạn D, E, F của Phụ lục 3 trong Hiệp định WTO/TBT. EVFTA/TBT không chỉ rõ các điều khoản của WTO/TBT được tích hợp vào Chương TBT nhưng khẳng định các quyền, nghĩa vụ theo Hiệp định này.

Về tiêu chuẩn, cả 2 Chương TBT của CPTPP và EVFTA đều khẳng định vai trò của tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế trong việc xóa bỏ rào cản không cần thiết đối với thương mại, trong đó đều coi quyết định mà Ủy ban WTO/TBT ban hành về các nguyên tắc xây dựng tiêu chuẩn quốc tế là căn cứ để xác định tiêu chuẩn quốc tế. Quyết định này đưa ra 6 nguyên tắc để xác định tiêu chuẩn quốc tế, giúp các nước sử dụng làm căn cứ khi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp của mình.

Riêng Chương EVFTA/TBT bổ sung quy định liên quan đến hài hòa tiêu chuẩn

trong đó lấy tiêu chuẩn quốc tế làm nền tảng để xem xét việc hài hòa. Ngoài ra, còn yêu cầu tiêu chuẩn khi được quy định thành bắt buộc áp dụng trong quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp sẽ phải thực hiện minh bạch hóa. Yêu cầu này cũng chặt chẽ và chi tiết hơn so với Hiệp định WTO/TBT .

Về quy chuẩn kỹ thuật, Chương EVFTA/TBT có một điều khoản riêng về quy chuẩn kỹ thuật quy định chi tiết hơn các Điều 2.2, 2.7, Điều 13 của Hiệp định WTO/TBT. Để đáp ứng yêu cầu của EVFTA, quy chuẩn kỹ thuật phải được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn quốc tế như tiêu chuẩn của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO), Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế (IEC), Liên minh viễn thông quốc tế (ITU), Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm Codex (CAC), trừ khi những tiêu chuẩn này không phù hợp với mục tiêu hợp pháp như bảo vệ sức khỏe, an toàn, bảo vệ môi trường... Cụ thể hơn, so với WTO/TBT, EVFTA/TBT yêu cầu phải giải thích vì sao tiêu chuẩn quốc tế đó được coi là không phù hợp.

Chấp nhận tương đương quy chuẩn kỹ thuật là một quy định tại Điều 2.7 của Hiệp định WTO/TBT; tuy nhiên, việc yêu cầu chấp nhận tương đương hay giải thích lý do trong trường hợp không chấp nhận tương đương quy chuẩn kỹ thuật được quy định cụ thể hơn trong EVFTA/TBT.

CPTPP/TBT không có điều khoản riêng về quy chuẩn kỹ thuật; thay vào đó, các nghĩa vụ liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật được đưa vào các điều khoản khác nhau của Chương, như quy định minh bạch hóa, giai đoạn thực thi...; đặc biệt,

quy chuẩn kỹ thuật là một đối tượng quan trọng của nghĩa vụ minh bạch hóa, do vậy, việc thực hiện minh bạch hóa đối với quy chuẩn kỹ thuật được quy định trong CPTPP chặt chẽ và cụ thể hơn nhiều so với WTO/TBT. Ví dụ, nghĩa vụ quy định công bố tất cả dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo bản sửa đổi bổ sung, văn bản đã ban hành của các dự thảo này theo yêu cầu thông báo của Hiệp định TBT hoặc Chương CPTPP/TBT trên trang công báo hoặc website chính thức riêng, hay quy định phải thông báo cả những quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với nội dung kỹ thuật của tiêu chuẩn, hướng dẫn hoặc khuyến nghị quốc tế có khả năng tác động đáng kể lên thương mại; trong khi đó, Điều 2.5 của Hiệp định TBT quy định quy chuẩn kỹ thuật nếu được xây dựng căn cứ trên tiêu chuẩn quốc tế sẽ được xem là không tạo ra rào cản không cần thiết đối với thương mại quốc tế và đồng nghĩa không phải thực hiện nghĩa vụ minh bạch hóa.

Về đánh giá sự phù hợp, Điều 6 về đánh giá sự phù hợp của CPTPP có 16 khoản; Điều 6 của EVFTA có 6 khoản. Đánh giá sự phù hợp của CPTPP tích hợp các Điều 5.2, 5.4, 6.3, 6.4, 9.1, 9.2; EVFTA tích hợp các điều 5.1, 5.2, 5.4 của Hiệp định WTO/TBT. Cả 2 Chương TBT đều yêu cầu nếu từ chối chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp phải giải thích lý do cụ thể về việc từ chối.

CPTPP/TBT yêu cầu phí đánh giá sự phù hợp phải được tính toán dựa trên chi phí xấp xỉ của dịch vụ và yêu cầu nước thành viên không được bắt doanh nghiệp phải hợp pháp hóa lãnh sự hồ sơ đánh giá sự phù hợp và nộp các loại phí liên

quan. Trong khi đó, EVFTA nhấn mạnh nguyên tắc *Đối xử quốc gia (NT)* và *Đối xử tối huệ quốc (MFN)* trong việc áp dụng các loại phí về đánh giá sự phù hợp sản phẩm trong nước với nước ngoài và với nước thứ 3.

CPTPP yêu cầu không phân biệt đối xử giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước và tổ chức đánh giá sự phù hợp trên lãnh thổ của nước thành viên CPTPP. Ngoài ra, CPTPP cũng quy định chặt chẽ những điều không được cấm, không được yêu cầu đối với hoạt động đánh giá sự phù hợp. Ví dụ, không được yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp phải nằm trên lãnh thổ của mình hoặc phải có văn phòng đại diện tại lãnh thổ của mình; không được cấm áp dụng các hiệp định thừa nhận lẫn nhau để công nhận, cấp phép thừa nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp nằm ngoài nước; không được từ chối chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp vì các lý do như tổ chức công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện các hoạt động đánh giá nằm trên quốc gia có nhiều tổ chức công nhận, là một tổ chức phi chính phủ, không có văn phòng đại diện tại nước mình...

EVFTA chủ yếu tập trung quy định các cơ chế giúp thúc đẩy, tạo thuận lợi cho việc chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp như việc căn cứ vào công bố phù hợp, thực hiện các thoả thuận tự nguyện giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp...

Như vậy, về cơ bản có thể thấy, cách tiếp cận về đánh giá sự phù hợp của CPTPP và EVFTA khác nhau mặc dù đều tích hợp và căn cứ trên nền tảng là Hiệp định WTO/TBT.



HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

ThS. NGUYỄN THỊ THANH NHÀN

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng

Theo Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN) có hiệu lực từ ngày 20/3/2019, các doanh nghiệp KH&CN có nhiều chính sách ưu đãi như miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, ưu đãi tín dụng... Các ưu đãi này được kỳ vọng sẽ mang đến nhiều cơ hội phát triển mới cho doanh nghiệp.

Hoạt động phát triển doanh nghiệp KH&CN

Doanh nghiệp KH&CN là loại hình doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh dịch vụ KH&CN để tạo ra sản phẩm, hàng hóa từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Doanh nghiệp KH&CN được hình thành từ những ứng dụng thành công các hoạt động nghiên cứu của chính họ hoặc kết



quả nghiên cứu từ các viện, trường đại học, hoặc kết quả nghiên cứu chuyển giao từ nước ngoài mà họ được quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp. Doanh nghiệp KH&CN không chỉ là cầu nối đưa nhanh các kết quả nghiên cứu, ứng dụng KH&CN chuyển giao vào sản xuất mà còn đóng vai trò như một lực lượng sản xuất chủ lực, tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Trong các năm qua, cùng với các chính sách ưu đãi khuyến khích hình thành doanh nghiệp KH&CN, Lâm Đồng luôn quan tâm phát triển các doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh. Sở KH&CN tỉnh Lâm Đồng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp KH&CN thông qua các hội nghị, hội thảo về loại hình doanh nghiệp KH&CN và cách thức thành lập, tuyên truyền về các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với loại hình doanh nghiệp KH&CN như miễn, giảm thuế, ưu đãi về thuê đất,... đến với các doanh nghiệp, thành viên hiệp hội; phối hợp với cơ quan báo, đài địa phương thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Ngoài ra, doanh nghiệp KH&CN còn được tỉnh chủ trương ưu tiên

hỗ trợ tham gia các chương trình phát triển thị trường KH&CN, hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ trong và ngoài nước, nhiệm vụ KH&CN từ ngân sách nhà nước của Trung ương và địa phương.

Đến thời điểm hiện tại, Sở KH&CN tỉnh đã cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN cho 5 đơn vị, gồm: Công ty Cổ phần đầu tư Sâm Ngọc Linh Việt Nam; Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật H.Q; Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt; Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng - Ladophar; Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl.

Đến nay, các doanh nghiệp KH&CN đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực, triển khai thực hiện các hoạt động nghiên cứu, sản xuất trên danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cụ thể:

- + Quy trình trồng cây sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô của Công ty Cổ phần đầu tư Sâm Ngọc Linh Việt Nam được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bằng sáng chế.

- + Quy trình chế biến và bảo quản Diệp hạ châu và sản phẩm Diệp hạ châu của Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật H.Q được bảo hộ sở hữu công nghiệp.

+ Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt với danh mục 17 sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại đơn vị như Vắc xin thương hàn Vi polysaccharide, Men tiêu hóa sống Biosubtyl DL, Men tiêu hóa sống Biosubtyl DAVAC, Merika Fort, Merika Probiotics, Cốm bổ tiêu hóa Merika, Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Cốm vi sinh Goldbee, Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Siro bổ Hepa C Oran, Thực phẩm bảo vệ sức khỏe: ASEFLORIS, Entero Extra, Newzlady, Safvex, Germapan, Franzpans...

+ Quy trình sản xuất trà từ lá tươi Actisô của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng với 2 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là Trà Lado Actiso Nhất điệp nguyên hương và Trà Lado Actiso Nhất điệp nguyên hương túi lọc.

+ Quy trình sản xuất hoa cúc thương phẩm đạt chứng nhận GlobalGAP phục vụ xuất khẩu tại Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl.

Các doanh nghiệp KH&CN năm 2019 đều hoạt động đạt hiệu quả cao, doanh thu từ các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chiếm tỷ trọng cao trên tổng doanh thu của đơn vị. Có thể kể đến một số điển hình cụ thể như:

+ Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt có doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là 36.616 triệu đồng. Năm 2019, Công ty đã có nhiều đầu tư nhất định cho công tác nghiên cứu phát

triển, như từ sản phẩm men tiêu hóa truyền thống Biosubtyl DL, Công ty đã nghiên cứu và đưa vào sản xuất nhiều sản phẩm thuốc và thực phẩm chức năng mới, tham gia và triển khai nhiều chương trình nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Tiêu biểu là hợp tác với Viện nghiên cứu Cuba triển khai 2 dự án nghiên cứu và phát triển vắc xin mới là vắc xin Thương hàn Vi cộng hợp và vắc xin Ho gà vô bào. Công ty đã đáp ứng đơn hàng cung ứng trên 100.000 liều vắc xin Thương hàn Vi cộng hợp phân phối và thực hiện tiêm phòng vắc xin trong nước. Ngoài ra, còn phối hợp với một số đối tác nước ngoài như Trung tâm Công nghệ sinh học và Công nghệ gen CIGB (Cuba), Viện vắc xin Finlay (Cuba), Tập đoàn Bio Cubapharma, Công ty Miễn dịch Ấn Độ (Indian Immunological Ltd.) để hợp tác sản xuất và phân phối tại Việt Nam một số loại vắc xin như vắc xin Quimi-Hib, Heberbiovac, vắc xin dại Abhayrab. Song song với sản xuất, kinh doanh vắc xin, Công ty còn chú trọng sản xuất các sinh phẩm gồm thuốc và thực phẩm bảo vệ sức khỏe, chiếm tỷ lệ trên 70% doanh thu của toàn Công ty.

+ Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng có doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là 3.852 triệu đồng; hiện đơn vị đang được miễn tiền thuê đất trong 15 năm tại Khu công nghiệp Phú Hội; trích lập Quỹ phát triển KH&CN là 3.300 triệu đồng. Công ty đặc biệt quan tâm đầu tư máy móc, thiết bị mới với công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến từ Nhật Bản, Hàn Quốc. Hiện Ladophar đang sở

hữu vùng nguyên liệu Actisô và các loại dược liệu quý đạt chuẩn quốc tế GACP-WHO (Good Agricultural and Collection Practices - Các nguyên tắc, tiêu chuẩn Thực hành tốt trồng trọt và thu hái dược liệu theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới) và GlobalGAP (Global Good Agricultural Practices - Tiêu chuẩn toàn cầu về Thực hành nông nghiệp tốt). Nhà máy Ladophar đạt tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (GMP WHO), khẳng định chuẩn mực cho ngành công nghiệp sản xuất dược tại Việt Nam cũng như đạt chứng nhận tiêu chuẩn ISO 22000:2007 - chuẩn mực cho ngành sản xuất thực phẩm chức năng. Phòng Kiểm tra chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017.

+ Công ty Cổ phần Pan-Saladbowl với sản phẩm chính là các chủng loại rau, hoa cao cấp phục vụ thị trường trong nước, xuất khẩu sang Nhật và các thị trường khác. Sản phẩm hiện tại đã được cung cấp chính thức vào hệ thống siêu thị Nhật Bản AEON Mall và AEON Citimart. Năm 2019, đơn vị có doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là 15.463 triệu đồng.

Những khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những thuận lợi như hệ thống văn bản pháp lý hướng dẫn thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp KH&CN, cơ chế, chính sách ưu đãi khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN đã được ban hành; sự quan tâm của các cơ quan Trung ương nói chung và địa phương nói riêng, vẫn còn một số hạn chế, khó khăn

trong quá trình thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp KH&CN của tỉnh như:

- Chưa nhiều doanh nghiệp quan tâm đến việc đăng ký thành lập doanh nghiệp KH&CN. Đa số các doanh nghiệp tại địa phương là doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó, nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn còn thiếu, đặc biệt là trong lĩnh vực KH&CN.

- Trong 6 chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho doanh nghiệp KH&CN, một số chính sách chưa được cụ thể hóa trong quá trình thực hiện như chính sách được ưu tiên sử dụng các trang thiết bị phục vụ trong phòng thí nghiệm trọng điểm; hưởng ưu đãi về giá cho thuê đất tại các khu công nghiệp; ưu đãi vay vốn tín dụng đầu tư. Việc chưa cụ thể hóa trong quá trình thực hiện làm cho doanh nghiệp chưa thật sự chú ý đến việc đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

- Một trong những điều kiện để được chứng nhận doanh nghiệp KH&CN là doanh nghiệp phải chứng minh được việc sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học.

Đối với các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hình thành từ các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, theo quy định tại Điều 41 Luật KH&CN năm 2013, Điều 39 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN, tổ chức chủ trì nhiệm vụ muốn sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phải được đại diện chủ sở hữu Nhà nước tiến hành thủ tục giao quyền sở

hữu hoặc quyền sử dụng; tuy nhiên, còn rất nhiều vướng mắc liên quan đến phần chi phí định giá kết quả nghiên cứu, các doanh nghiệp đang vướng ở khâu định giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Đối với các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do doanh nghiệp tự bỏ tiền ra nghiên cứu hoặc doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, khó khăn nằm ở việc doanh nghiệp chứng minh họ là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng hợp pháp kết quả nghiên cứu.

- Chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế của Nhà nước đối với doanh nghiệp KH&CN còn ngặt nghèo; doanh thu từ sản phẩm KH&CN phải chiếm hơn 30% tổng doanh thu, trong khi sản phẩm nghiên cứu cần phải có thời gian để tiếp cận thị trường, doanh thu thấp.

Một số đề xuất

- Bộ KH&CN cần tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh một số cơ chế liên quan như tài chính, thuế... để Nghị định số 13 được thực hiện một cách rõ ràng, minh bạch, thuận lợi, tạo động lực cho doanh nghiệp đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

- Đồng bộ hóa hệ thống cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN và đổi mới sáng tạo, gồm: Luật KH&CN; Luật Chuyển giao công nghệ; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành... để bảo đảm thực thi được các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian; cơ chế giao quyền sở hữu/sử dụng kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu...

- Xây dựng, ban hành cơ chế phù hợp để tạo sự gắn kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp tiếp nhận các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới để hình thành các doanh nghiệp KH&CN.

Tóm lại, doanh nghiệp KH&CN là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường tiềm lực của ngành, đóng góp tích cực trong sự nghiệp phát triển KH&CN và tăng trưởng kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Trong thời gian tới, tỉnh Lâm Đồng tiếp tục tập trung triển khai, cụ thể hóa Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN, đẩy mạnh việc ươm tạo công nghệ, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp KH&CN.





KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CỦA DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

NGUYỄN TÚ UYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Vấn đề nâng cao năng suất, chất lượng (NSCL) đã được cụ thể hóa trong những định hướng của Đảng, Chính phủ và thể hiện rõ nét nhất thông qua việc triển khai Chương trình quốc gia “Nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”. Qua đó, đã tạo lập các nền tảng quan trọng cho việc triển khai hoạt động nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam. Nhằm tiếp tục lan tỏa mạnh mẽ hoạt động này, ngày 31/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1322/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 với mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng

các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến NSCL, góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao NSCL, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế... Đây được xem là cú huých mới hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động mạnh mẽ đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 phê duyệt dự án Nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 sửa đổi,

bổ sung một số điều tại Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 04/02/2016. Từ năm 2016 đến nay, Dự án nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa cho các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng đã đạt được một số kết quả sau:

Hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hội nghị, hội thảo

Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện 4 đợt thông tin, tuyên truyền về Dự án đến các tổ chức, cá nhân trong toàn tỉnh (1 tọa đàm, 7 phóng sự về nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trong tỉnh).

In ấn và phát hành 3.000 tờ rơi tuyên truyền về các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến NSCL, Giải thưởng Chất lượng quốc gia.

Tổ chức 5 hội nghị, hội thảo với gần 350 lượt người tham dự về các nội dung liên quan đến NSCL, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Hoạt động đào tạo nhận thức, kiến thức về NSCL, tiêu chuẩn hóa, đánh giá sự phù hợp

Tổ chức 44 lớp đào tạo, tập huấn cho hơn 2.700 lượt người về hệ thống quản lý (ISO 9001:2015, ISO 17025:2005, ISO 22000:2018, FSSC 22000, ISO 45000, ISO 50001, GACP, GlobalGAP, tiêu chuẩn hữu cơ, truy xuất nguồn gốc...); công cụ cải tiến NSCL (Lean, 5S, Lean Six Sigma, quản lý theo mục tiêu MBO, sử dụng hiệu quả chu trình PDCA, quản lý chi phí dòng nhiên liệu MFCA, KPIs, 7 công cụ quản lý chất lượng...); các kỹ năng (lập kế hoạch và quản lý thời gian, làm việc nhóm, huấn luyện kèm cặp và tạo động lực cho nhân

viên, kinh doanh tiếp thị theo định hướng kỹ thuật số). Đây là các hệ thống, công cụ phù hợp với quy mô, lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp trong tỉnh. Thông qua các lớp tập huấn, doanh nghiệp hiểu hơn về hệ thống, công cụ và có thể tự triển khai thực hiện, duy trì tại đơn vị.

Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, thực hiện dự án NSCL

Giai đoạn 2016-2020, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng đã ký hợp đồng hỗ trợ 101 dự án/69 doanh nghiệp. Đến nay, có 73 dự án/49 doanh nghiệp đã hoàn thành với kinh phí được cấp hơn 3,7 tỷ đồng; 8 dự án/7 doanh nghiệp đang triển khai; 20 dự án/13 doanh nghiệp xin ngừng thực hiện.

Hỗ trợ 2 doanh nghiệp chứng nhận hợp quy đối với 3 sản phẩm với kinh phí 59 triệu đồng; 1 doanh nghiệp chứng nhận hợp chuẩn cho 2 sản phẩm, kinh phí 20 triệu đồng; 5 doanh nghiệp xây dựng 21 tiêu chuẩn cơ sở với kinh phí 21 triệu đồng.

Hỗ trợ 4 lượt doanh nghiệp tham dự và đạt Giải thưởng Chất lượng quốc gia, quốc tế với tổng số tiền 99 triệu đồng.

Đánh giá chung

Thông qua việc hỗ trợ một phần kinh phí để áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến NSCL, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, khen thưởng các doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng quốc gia, đã tạo động lực cho doanh nghiệp nâng cao NSCL; giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn là giấy thông hành để doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm, hàng

hóa sang các thị trường khó tính; công cụ cải tiến giúp doanh nghiệp giảm các lãng phí, nâng cao năng suất lao động và nhận thức của người lao động. Các doanh nghiệp được hỗ trợ theo chuỗi từ khâu trồng đến chế biến, tiêu thụ cũng như việc bố trí mặt bằng hợp lý để giảm thiểu lãng phí và sản xuất hiệu quả hơn.

Một số doanh nghiệp như Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng - Ladophar, Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật Khoa Đăng, Công ty TNHH TM-DV Trường Hoàng, Công ty Cổ phần Long Đĩnh... đã tham gia Dự án và đạt được một số kết quả tích cực, góp phần nâng cao năng lực của đơn vị, xây dựng được thương hiệu riêng cho sản phẩm, thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng. Bên cạnh đó, theo xu thế của thị trường, việc hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn hữu cơ cho rau, chè và các sản phẩm khác cũng đã tạo ra sự lan tỏa và mang lại giá trị kinh tế cao cho các doanh nghiệp.

Trong 5 năm qua, Dự án không những đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, mà còn tạo ra được phong trào nâng cao NSCL trên toàn tỉnh; là mô hình cho các địa phương khác đến tham quan, học hỏi. Dự án đã mang lại kết quả và hiệu quả về nhận thức, phương thức quản lý và cải tiến, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số khó khăn, tồn tại như: việc tham gia Dự án chỉ tập trung vào một số

ít doanh nghiệp; thủ tục hỗ trợ còn rườm rà nên doanh nghiệp ngại tham gia; việc giải ngân các dự án áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến NSCL còn chậm do tiến độ thực hiện của các dự án chậm so với đề cương đã được phê duyệt; các doanh nghiệp thay đổi định hướng kinh doanh nên không tiếp tục triển khai hoặc gặp khó khăn về vốn để sửa chữa nhà xưởng theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

Bài học kinh nghiệm

Một là, lãnh đạo UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có quyết tâm cao, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, sâu sát, trách nhiệm, có kế hoạch thực hiện cụ thể; phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo của cán bộ.

Hai là, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ thực hiện và các doanh nghiệp tham gia dự án nâng cao NSCL; xây dựng các mô hình điểm, tạo phong trào lan tỏa trong hoạt động sản xuất - kinh doanh theo tiêu chuẩn khu vực, quốc tế.

Ba là, nâng cao hiệu quả vận động doanh nghiệp tham gia Dự án bằng nhiều hình thức; trong đó, tổ chức khảo sát thực tế để nắm tình hình, thực trạng năng suất của doanh nghiệp, từ đó có những đề xuất áp dụng các hệ thống, công cụ nâng cao NSCL, công cụ cải tiến phù hợp với doanh nghiệp.

Bốn là, đơn giản hóa các thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo đúng theo các quy định hiện hành.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VỚI HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN VIETGAP TRỒNG TRỌT

LÊ THÀNH TRUNG

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Chứng nhận VietGAP là hoạt động đánh giá, xác nhận của tổ chức chứng nhận VietGAP đối với cơ sở có sản phẩm được sản xuất và/hoặc sơ chế phù hợp với tiêu chuẩn VietGAP.

VietGAP được chia thành 3 nhóm gồm VietGAP trồng trọt, VietGAP chăn nuôi, VietGAP Thủy sản.

Để thực hiện chứng nhận VietGAP trong trồng trọt, tổ chức, đơn vị phải đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

Tổ chức, đơn vị phải có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065:2013 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065:2012. Có ít nhất 4 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức, đáp ứng các điều kiện như có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên và chuyên môn phù hợp đối với chương trình chứng nhận; được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo chuyên gia đánh giá VietGAP trong trồng trọt theo tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017 tại cơ sở đào tạo do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật; có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 20 ngày công đánh giá đối với chương trình chứng nhận tương ứng.

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng là một trong 15 tổ chức đủ điều kiện hoạt động chứng nhận VietGAP trong trồng trọt trên toàn quốc.

Hoạt động chứng nhận VietGAP của Trung tâm được triển khai từ năm 2012. Ngoài việc đánh giá chứng nhận VietGAP cho các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm còn chú trọng mở rộng hoạt động đánh giá chứng nhận VietGAP ra các vùng phụ cận như Ninh Thuận, Gia Lai, Đắk Nông, thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Cần Thơ,...

Đặc biệt, từ năm 2018 đến nay, được sự hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Thuận, Trung tâm đã trực tiếp tham gia triển khai các dự án hỗ trợ đánh giá chứng nhận VietGAP cho một số sản phẩm đặc thù của tỉnh Ninh Thuận thuộc “*Đề án chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận*”, cụ thể:

- Năm 2018: tổ chức chứng nhận cho 5 mô hình, với quy mô 75 ha/190 hộ dân tham gia cho các sản phẩm măng tây, nha đam, nho. Cụ thể, 20 ha sản phẩm nho, 15 ha sản phẩm măng tây tại huyện Ninh Hải; 10 ha sản phẩm nho, 20 ha sản phẩm măng tây tại huyện huyện Ninh Phước; 10 ha sản phẩm nha đam tại phường Văn Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Năm 2019: tổ chức chứng nhận cho 9 mô hình, với quy mô 137,03 ha/484 hộ tham gia cho các sản phẩm măng tây, hành tím, tỏi, lúa, nho. Cụ thể, 20,22 ha sản phẩm hành tím, 7 ha sản phẩm tỏi, 70 ha sản phẩm nho tại huyện Ninh Hải; 7 ha sản phẩm măng tây tại huyện Thuận Bắc; 10,09 ha lúa và 5,9 ha măng tây tại huyện Ninh Sơn; 10,2 ha nho tại phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; 14,52 ha sản phẩm nho tại xã Thành Hải.

- Năm 2020: tham gia chứng nhận cho 14 mô hình, với quy mô 206,024 ha/678 hộ dân tham gia cho các sản phẩm măng tây, hành tím, táo, nho, xoài, bưởi, cam, quýt, dưa, chôm chôm, măng cụt, sầu riêng, nha đam. Cụ thể, 40 ha sản phẩm hành tím, 50 ha sản phẩm nho tại

huyện Ninh Hải; 10 ha sản phẩm nho, 36,024 ha sản phẩm táo, 10 ha sản phẩm măng tây tại huyện Ninh Phước; 30 ha sản phẩm cây ăn quả các loại tại huyện Ninh Sơn; 10 ha sản phẩm nha đam tại phường Văn Hải; 10 ha sản phẩm táo, 10 ha sản phẩm măng tây tại huyện Thuận Nam.

Xác định nhiệm vụ trọng tâm của Trung tâm trong thời gian tới là phục vụ ngày càng hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho khách hàng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương cũng như các vùng

phụ cận. Trung tâm định hướng sẽ tiếp tục duy trì và thực hiện có hiệu quả các lĩnh vực đang đảm nhận, đồng thời thực hiện lộ trình mở rộng, nâng cao năng lực hoạt động trên một số lĩnh vực như: chứng nhận hệ thống, chứng nhận sản phẩm, chứng nhận hữu cơ... Đây là bước đi cần thiết để phát triển hoạt động của Trung tâm, đáp ứng ngày càng đầy đủ nhu cầu của xã hội trong các lĩnh vực liên quan, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong tình hình mới.



DOANH NGHIỆP ĐƯỢC UBND TỈNH LÂM ĐỒNG CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO NĂM 2020

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC F1

1. Thông tin liên hệ

- Địa chỉ: 11/33 Trịnh Hoài Đức, Phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại: 0917100397
- Fax: 0263 3553223

2. Lĩnh vực hoạt động nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được chứng nhận

- Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật bằng phương pháp nhân giống *in vitro* các loại giống hoa, cây nông nghiệp.
- Được UBND tỉnh chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 09/9/2020.

3. Quy mô sản xuất

- Tổng số lao động: 86 người.
- Tổng diện tích sản xuất: 1.000 m².
- Sản lượng: hơn 6 triệu cây hoa, lá trang trí/năm.
- Thị trường tiêu thụ: trong nước; xuất khẩu sang các nước châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ.



CÔNG TY TNHH SINH HỌC SẠCH

1. Thông tin liên hệ

- Địa chỉ: 48 Võ Trường Toản, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Địa chỉ trang trại sản xuất: 47 Hồ Xuân Hương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại: 0263 3552024

2. Lĩnh vực hoạt động nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được chứng nhận

- Sản xuất và chế biến các sản phẩm từ dâu tây, phúc bồn tử.
- Được UBND tỉnh Lâm Đồng chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 26/02/2020.

3. Quy mô sản xuất

- Tổng số lao động: 32 người.
- Tổng diện tích sản xuất: 2 ha nhà kính.
- Sản lượng: 80 tấn/năm
- Thị trường tiêu thụ:
 - + Các hệ thống siêu thị, khách sạn, nhà hàng trong nước.
 - + Xuất khẩu sang các nước Singapore, Nhật Bản...

